

Số: /SGDDĐT-GDTH

Đồng Tháp, ngày tháng 12 năm 2020

Về hướng dẫn đánh giá
học sinh tiểu học theo Thông tư
số 27/2020/TT-BGDĐT

Kính gửi:

- Trưởng phòng các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tỉnh;
- Hiệu trưởng Trường TH - THCS - THPT Tương Lai.

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27);

Nhằm thực hiện tốt công tác đánh giá học sinh tiểu học kể từ năm học 2020 - 2021 theo lộ trình được quy định tại Điều 2, Thông tư số 27; Sở GDĐT tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27 như sau:

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Thực hiện theo lộ trình đánh giá học sinh tiểu học được quy định tại Điều 2, Thông tư số 27.

II. MỤC ĐÍCH

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

1. Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

3. Giúp cha mẹ học sinh tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo

dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

5. Giúp các tổ chức xã hội nắm thông tin chính xác, khách quan, phát huy nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục.

III. YÊU CẦU

1. Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

2. Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

3. Đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

IV. NGUYÊN TẮC

1. Các trường tổ chức đánh giá, kiểm tra định kỳ khách quan, công bằng, nghiêm túc, đánh giá chính xác kết quả học tập của học sinh tiểu học.

2. Nội dung kiểm tra đáp ứng yêu cầu cần đạt. Đề kiểm tra phải đảm bảo kiến thức cơ bản, khả năng ứng dụng và phát triển tư duy của học sinh; phù hợp đối với từng môn học, hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học.

3. Đổi mới việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Đề kiểm tra định kỳ phân loại được đối tượng học sinh, phù hợp với thời gian quy định đối với từng môn học, hoạt động giáo dục ở cấp tiểu học.

V. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

Thủ trưởng các trường tổ chức đánh giá, kiểm tra định kỳ an toàn, nghiêm túc, đúng theo quy định tại Thông tư số 27. Cụ thể là:

1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động dạy học theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và một số biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh. Đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên và học sinh để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học, hỗ trợ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học. (Khoản 2, Điều 2, Thông tư số 27)

Đánh giá thường xuyên thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 6 của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27.

Trong quá trình thực hiện đánh giá thường xuyên, khuyến khích giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; kết hợp nhiều biện pháp đánh giá khác nhau, có giải pháp lưu giữ minh chứng để làm căn cứ đánh giá định kỳ, đặc biệt là quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh đáp ứng yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

2. Đánh giá định kỳ

Đánh giá định kỳ là đánh giá kết quả giáo dục học sinh sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. (Khoản 3, Điều 2, Thông tư số 27)

Đánh giá định kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27.

Việc kiểm tra định kỳ được tổ chức theo thời khóa biểu vào buổi học chính khoá, không gây áp lực, lo lắng, băn khoăn cho học sinh và cha mẹ học sinh.

a) Đánh giá định kỳ về nội dung học tập các môn học, hoạt động giáo dục

- Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học, giáo viên dạy môn học căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục để đánh giá học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục theo các mức sau:

+ Hoàn thành tốt: thực hiện tốt các yêu cầu học tập và thường xuyên có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

+ Hoàn thành: thực hiện được các yêu cầu học tập và có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

+ Chưa hoàn thành: chưa thực hiện được một số yêu cầu học tập hoặc chưa có biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học hoặc hoạt động giáo dục.

- Vào cuối học kỳ I và cuối năm học, đối với các môn học bắt buộc: Tiếng Việt, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử và Địa lí, Khoa học, Tin học và Công nghệ có bài kiểm tra định kỳ;

Đối với lớp 4, lớp 5, có thêm bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kỳ I và giữa học kỳ II.

Bài kiểm tra môn Tiếng Việt có thể thiết kế gồm 02 bài kiểm tra (bài kiểm tra đọc và bài kiểm tra viết). Điểm bài kiểm tra môn Tiếng Việt được tính theo nguyên tắc trung bình cộng của bài kiểm tra đọc và bài kiểm tra viết (làm tròn 0.5

trở lên thành 1), không làm tròn từng bài kiểm tra. Ngữ liệu trong bài kiểm tra đọc không có trong sách giáo khoa.

b) Đánh giá định kỳ về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực

Vào giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II và cuối năm học, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên dạy cùng lớp, thông qua các nhận xét, các biểu hiện trong quá trình đánh giá thường xuyên về sự hình thành và phát triển từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi của mỗi học sinh, đánh giá theo các mức sau:

- Tốt: Đáp ứng tốt yêu cầu giáo dục, biểu hiện rõ và thường xuyên.
- Đạt: Đáp ứng được yêu cầu giáo dục, biểu hiện nhưng chưa thường xuyên.
- Cần cố gắng: Chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu giáo dục, biểu hiện chưa rõ.

c) Cuối năm học, căn cứ vào quá trình tổng hợp kết quả đánh giá về học tập từng môn học, hoạt động giáo dục và từng phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, giáo viên chủ nhiệm đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo bốn mức:

- **Hoàn thành xuất sắc:** Những học sinh có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học của các môn học đạt 9 điểm trở lên.

- **Hoàn thành tốt:** Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên.

- **Hoàn thành:** Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc và Hoàn thành tốt, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt hoặc Hoàn thành; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt hoặc Đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 5 điểm trở lên;

- **Chưa hoàn thành:** Những học sinh không thuộc các đối tượng trên.

3. Đề kiểm tra định kỳ

Căn cứ Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 27 “*Hiệu trưởng chỉ đạo việc ra đề kiểm tra định kỳ*” và Điều 12, Khoản 2, Điểm c “*Các tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kỳ cho các khối lớp*”. Tuy nhiên, để có sự thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời đảm bảo sự khách quan, chất lượng của đề kiểm tra, Sở GDĐT khuyến khích các trường thực hiện việc ra đề kiểm tra theo phương án: Mỗi giáo viên trực tiếp giảng dạy ra đề cho phù hợp với học sinh và đảm bảo các yêu cầu cần đạt, nộp về cho tổ trưởng, tổ trưởng nhận tất cả các đề của các giáo viên trong tổ, nộp về cho lãnh đạo nhà trường tham khảo. Trên cơ sở đó, lãnh đạo nhà trường biên soạn đề kiểm tra định kỳ chung cho tất cả các lớp trong tổ gồm 01 đề chính thức và 01 đề dự phòng. Lãnh đạo nhà trường sẽ chịu trách nhiệm việc ra đề kiểm tra cũng như các nội dung liên quan (tổ chức coi, chấm bài kiểm tra, bàn giao kết quả, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh,...). Riêng đối với

học sinh lớp 5, việc tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường trung học cơ sở trên cùng địa bàn; giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường.

Đề kiểm tra định kỳ phù hợp với yêu cầu cần đạt và các biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của môn học, gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo các mức như sau:

+ Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập.

+ Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự.

+ Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lí trong học tập và cuộc sống.

Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, cho điểm theo thang điểm 10, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối học kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh.

4. Thiết kế đề bài kiểm tra

a) Quy trình xây dựng các câu hỏi, bài tập

Bước 1. Xác định mục tiêu học tập và dự kiến câu hỏi, bài tập theo mục tiêu.

Bước 2. Xây dựng các đáp án có thể chấp nhận được và các đáp án sai mà học sinh thường mắc phải. Thông thường, sẽ có 3 loại lỗi thường gặp khi học sinh giải quyết một vấn đề là: *lỗi lưu trữ thông tin sai, xử lí thông tin, lỗi chú ý.*

Bước 3. Xác định những yếu tố khó của bài tập; cách học sinh tiếp cận các yếu tố đó; dự kiến các bước để học sinh tiến hành làm bài như thế nào.

Bước 4. Tùy theo yêu cầu về mức độ câu hỏi và mục tiêu, có thể tăng hoặc giảm độ khó bằng cách tăng hay giảm thông tin trong câu hỏi.

b) Cách xây dựng một đề kiểm tra

Căn cứ thực tế yêu cầu giáo dục của địa phương, hiệu trưởng chỉ đạo (giáo viên, tổ chuyên môn hoặc phó hiệu trưởng) ra đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra định kỳ.

Nội dung kiểm tra cần được xác định rõ ràng theo yêu cầu cần đạt môn học đến giữa học kỳ I, cuối học kỳ I, giữa học kỳ II hoặc cả năm học.

Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng - sai, nói,...) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của học sinh.

Tỉ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng học sinh.

Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương. Đề điểm tra định kỳ và ma trận đề kiểm tra cần được thiết kế bám sát các mức trên, tỉ lệ tương đối giữa các mức, ví dụ: Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%. Thủ trưởng các đơn vị có thể tổ chức tập huấn, hội thảo,... nhằm nâng cao năng lực ra đề kiểm tra cho cán bộ quản lí, giáo viên.

Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 - 40 phút (theo thời gian của 01 tiết học theo từng lớp).

Xây dựng ma trận đề kiểm tra

Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kĩ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

VI. THỜI GIAN

Thời gian tổ chức kiểm tra định kỳ các trường tiểu học, tiểu học - trung học cơ sở do các Phòng GDĐT quy định thống nhất trong toàn đơn vị theo Kế hoạch thời gian và kế hoạch hoạt động chuyên môn cấp tiểu học tỉnh Đồng Tháp hàng năm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở GDĐT yêu cầu các Phòng GDĐT, Hiệu trưởng Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tỉnh, Hiệu trưởng Trường TH - THCS - THPT Tương Lai:

1. Thực hiện nghiêm túc Công văn này đối với các khối lớp thực hiện theo lộ trình đánh giá học sinh tiểu học được quy định tại Điều 2, Thông tư số 27. Các khối lớp còn lại thực hiện theo Công văn số 1646/SGDĐT-GDTH của Sở GDĐT ngày 07 tháng 12 năm 2016 về việc hướng dẫn đánh giá học sinh kể từ năm học 2016 - 2017 và Công văn số 1647/SGDĐT-GDTH của Sở GDĐT ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc hướng dẫn kiểm tra định kỳ kể từ năm học 2016 - 2017.

2. Gửi Báo cáo sơ kết, tổng kết kèm theo Bảng thống kê chất lượng giáo dục tiểu học kèm file phần mềm về Sở GDĐT (Phòng Giáo dục Tiểu học theo địa chỉ: phonggdth.sodongthap@moet.edu.vn). Thời gian gửi chậm nhất:

- Cuối học kỳ I: theo Kế hoạch thời gian năm học hàng năm.
- Cuối năm học: theo Kế hoạch thời gian năm học hàng năm.

3. Để rút kinh nghiệm cho việc ra đề và hướng dẫn kiểm tra định kỳ, Sở GDĐT yêu cầu:

- Trường Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Tỉnh nộp 01 bộ đề/mỗi khối lớp.

- Mỗi Phòng GDĐT nộp 05 đề kiểm tra định kỳ (xem mẫu tại Phụ lục III đính kèm), 01 môn học/01 lớp của 05 trường tiểu học ở địa phương.

- Thời gian gửi về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Tiểu học) cùng thời gian với gửi Báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của đơn vị để Sở GDĐT tổng hợp báo cáo về Bộ GDĐT.

* Lưu ý:

Mỗi Phòng GDĐT cần chọn các đề kiểm tra có trường ở vùng nội ô (thuận lợi) và có cả những trường ngoại ô (khó khăn), đề kiểm tra gửi bằng file mềm qua email của Phòng Giáo dục Tiểu học.

Trên đây là Công văn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Sở GDĐT yêu cầu thủ trưởng chỉ đạo triển khai Công văn này đến tất cả các trường trên địa bàn, đến từng giáo viên theo lộ trình triển khai Thông tư số 27 nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác đánh giá học sinh theo đúng hướng dẫn, có chất lượng, hiệu quả và không gây căng thẳng cho học sinh. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản hồi kịp thời về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục Tiểu học, số điện thoại 0277.3857697 hoặc Email: phonggdth.sodongthap@moet.edu.vn) để được hướng dẫn thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (th/h);
- Vụ GDTH, Bộ GDĐT (b/c);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở GDĐT (b/c);
- Lưu: VT, GDTH (04^b). A (02^b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tâm

MINH HỌA CÁCH XÂY DỰNG MỘT ĐỀ KIỂM TRA

* Ví dụ đối với môn Tiếng Việt

1. Nội dung kiểm tra

Nội dung kiểm tra ở mỗi kỳ kiểm tra cần được xác định rõ ràng. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Tiếng Việt lớp 1 vào cuối năm học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt đối với từng “chặng” (cuối học kỳ I và cuối năm học):

- Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra có thể là câu hỏi trắc nghiệm khách quan (nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đúng - sai, nối,...) hoặc tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, bài tập phát huy năng lực tư duy của học sinh.

- Tỷ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra (trắc nghiệm khách quan, tự luận, hình thức khác) do hiệu trưởng quyết định, đảm bảo yêu cầu cần đạt được môn học, phù hợp với đối tượng học sinh.

- Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỷ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, ví dụ Mức 1: Khoảng 50%; Mức 2: Khoảng 30%; Mức 3: Khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 - 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học).

2. Ma trận đề kiểm tra

Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi.

Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1.

3. Cấu trúc đề kiểm tra

a) Đề kiểm tra cuối học kỳ I gồm có các nội dung sau

Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

- Đọc thành tiếng các chữ cái và tổ hợp chữ cái ghi âm, ghi vần đã học.
- Đọc tiếng và đọc từ kết hợp hiểu nghĩa từ có gợi ý bằng hình ảnh.
- Đọc câu kết hợp với hiểu nghĩa có gợi ý bằng hình ảnh.
- Đọc đoạn ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết được thông tin quan trọng trong đoạn.

Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

- Viết chữ cái, vần mới học.

- Viết từ ngữ chứa tiếng có vần mới.
- Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành câu.
- Viết lại câu ngắn.

b) Đề kiểm tra cuối học kỳ II gồm có các nội dung sau

Kiểm tra đọc (kết hợp kiểm tra nghe nói), có thể kiểm tra những nội dung sau:

- Đọc thành tiếng đoạn/bài ngắn và trả lời câu hỏi để nhận biết thông tin quan trọng trong đoạn/bài đọc.

- Đọc hiểu đoạn/ bài ngắn;

Kiểm tra viết, có thể kiểm tra những nội dung sau:

- Viết đúng từ ngữ theo quy tắc chính tả;
- Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn;
- Viết câu ngắn dựa trên gợi ý.
- Cụ thể:

Kiểm tra đọc (10 điểm)

- Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (kiểm tra từng cá nhân): (6 điểm)

+ Mục tiêu: Nhằm kiểm tra kỹ năng đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra kỹ năng nghe nói (Học sinh trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn, bài đọc) ở học kỳ II lớp 1.

+ Cách tiến hành:

Học sinh đọc một đoạn văn/bài ngắn (có dung lượng theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1) không có trong sách giáo khoa (do giáo viên lựa chọn và chuẩn bị trước, có thể làm thành phiếu thăm).

Học sinh trả lời 01 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu ra (có thể ghi sẵn trong phiếu thăm).

+ Cách đánh giá, cho điểm:

Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc; phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 01 điểm.

Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 02 điểm.

Âm lượng đọc vừa đủ nghe; tốc độ đọc đạt yêu cầu (40 - 60 tiếng/01 phút): 01 điểm.

Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 01 điểm.

Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 01 điểm.

- Kiểm tra đọc hiểu (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh): 04 điểm.

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kỹ năng đọc hiểu của học sinh theo quy định của Chương trình Tiếng Việt 1.

+ Cách đánh giá, cho điểm:

Điểm tối đa cho mỗi câu trắc nghiệm (lựa chọn, trả lời ngắn, điền, nói,...): 01 điểm.

Điểm tối đa cho mỗi câu trả lời câu hỏi mở (chủ yếu là câu hỏi ở mức 3): 01 điểm.

Ma trận kiểm tra đọc hiểu: Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức: tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương. Ví dụ: Mức 1: khoảng 50%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 20%.

Ma trận câu hỏi kiểm tra đọc hiểu môn Tiếng Việt cuối năm lớp 1

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Đọc hiểu	Số câu	2 TN	1 TN	1 TL	04
	Câu số	Câu 1, Câu 2	Câu 3	Câu 4	
	Số điểm	2	1	1	04

Một số chỉ dẫn biên soạn đề kiểm tra đọc hiểu theo ma trận:

Bài đọc hiểu gồm một đoạn văn/bài ngắn. Tổng độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 90 - 130 chữ, thơ khoảng 50 - 70 chữ; thời gian đọc thầm/nhẩm khoảng 03 - 04 phút.

Dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan dùng trong đề kiểm tra gồm: câu hỏi 03 - 04 phương án trả lời để học sinh chọn 01 phương án trả lời, câu hỏi yêu cầu điền ngắn (một từ hoặc cụm từ ngắn), nối cặp đôi,...

Câu hỏi tự luận (câu hỏi mở) trong đề bài này là loại câu hỏi yêu cầu học sinh tự hình thành một câu trả lời đơn giản để: nêu ý kiến giải thích ngắn về một chi tiết trong đoạn/bài đọc hoặc liên hệ đơn giản chi tiết trong bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống,...

Thời gian tính trung bình để học sinh làm một câu hỏi trắc nghiệm khách quan: khoảng 02 - 03 phút; làm một câu hỏi tự luận: khoảng 04 - 05 phút.

Bài kiểm tra viết (10 điểm)

- Kiểm tra viết chính tả (bài kiểm tra viết cho tất cả học sinh) (06 điểm):

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kỹ năng viết chính tả của học sinh ở học kỳ II.

+ Nội dung kiểm tra: Giáo viên đọc cho học sinh cả lớp viết (Chính tả nghe - viết) một đoạn văn (hoặc thơ) có độ dài khoảng 30 - 35 chữ. Tùy theo trình độ học sinh, giáo viên có thể cho học sinh chép một đoạn văn (đoạn thơ) với yêu cầu tương tự.

+ Thời gian kiểm tra: khoảng 15 phút.

+ Hướng dẫn chấm điểm chi tiết:

Tốc độ đạt yêu cầu (30 - 35 chữ/15 phút): 02 điểm.

Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ thường, cỡ nhỏ: 01 điểm.

Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 02 điểm (mắc 6 - 7 lỗi đạt 01 điểm).

Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp: 01 điểm.

- Kiểm tra (làm bài tập) chính tả và câu (04 điểm):

+ Mục tiêu: nhằm kiểm tra kỹ năng viết các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh; khả năng nhận biết cách dùng dấu chấm, dấu chấm hỏi; bước đầu biết đặt câu đơn giản về người và vật xung quanh theo gợi ý.

+ Thời gian kiểm tra: 20 - 25 phút. Nội dung kiểm tra và cách chấm điểm:

Nội dung kiểm tra	Hướng dẫn cụ thể	Số điểm	Hướng dẫn chấm
(1) Bài tập về chính tả âm, vần	02 hiện tượng chính tả (khoảng 8 trường hợp)	2 điểm	Làm đúng 1 hiện tượng chính tả đạt 0,25 điểm
(2) Bài tập về câu	Nói ô chữ để tạo câu	1 điểm	Nói đúng 1 ô chữ đạt 0,25 điểm
	Viết câu đơn giản theo gợi ý	1 điểm	Viết câu đúng theo yêu cầu đạt 0,25 điểm

Bài tập về chính tả âm vần (một số hiện tượng chính tả bao gồm: các chữ có vần khó, các chữ mở đầu bằng: c/k, g/gh, ng/ngh): 02 điểm.

Bài tập về câu (bài tập nói câu, dấu câu hoặc bài tập viết câu đơn giản, trả lời câu hỏi về bản thân hoặc gia đình, trường học, cộng đồng,... về nội dung bức tranh / ảnh): 02 điểm

** Ví dụ đối với môn Toán*

Nội dung kiểm tra

- Căn cứ vào yêu cầu cần đạt đối với môn Toán lớp 1 vào mỗi giai đoạn học kỳ I (54 tiết) hoặc khi hết năm học lớp 1 (105 tiết) được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Toán, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng cùng tổ chuyên môn xác định yêu cầu cần đạt trong đề kiểm tra.

+ Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức:

Số học khoảng 80%: Số tự nhiên (Đếm, đọc viết các số trong phạm vi 100, so sánh các số trong phạm vi 100); Các phép tính với số tự nhiên (Phép cộng, phép trừ, tính nhẩm, thực hành giải quyết các vấn đề liên quan đến các phép tính cộng, trừ).

Hình học và đo lường khoảng 20%: Hình phẳng và hình khối (Quan sát, nhận biết hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản, thực hành lắp ghép, xếp hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đơn giản); Đo lường (Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng, thực hành đo đại lượng).

+ Tùy theo từng đơn vị có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, ví dụ: Mức 1: khoảng 50%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 20%.

- Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 - 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học).

Ma trận kiểm tra

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; Hình thức các câu hỏi; Số lượng câu hỏi; Số điểm dành cho các câu hỏi (Tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh họa môn Toán).

Mạch kiến thức	Số câu	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Số học	Số câu	2	2	1	1		2	3	5
	Số điểm	2	2	1	1		2	3	5
Hình học và đo lường	Số câu		1		1				2
	Số điểm		1		1				2
Cộng	Số câu	2	3	1	2		2	3	7
	Số điểm	2	3	1	2		2	3	7

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu hình thức các câu hỏi; Số thứ tự của câu hỏi trong đề; Số điểm dành cho các câu hỏi (Tham khảo phụ lục đề kiểm tra minh họa môn Toán).

Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng
Số học	Số câu	4	2	2	8
	Câu số	1, 3, 4, 5	6, 7	9, 10	
Hình học và đo lường	Số câu	1	1		2
	Câu số	2	8		
Tổng		5	3	2	10

- Căn cứ để kiểm tra, đánh giá: những yêu cầu cần đạt về được quy định trong Chương trình môn Toán lớp 1 theo từng thời điểm kiểm tra.

- Bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 10; điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn thành số nguyên không có phần thập phân theo nguyên tắc từ 0,5 trở lên làm tròn thành 1.

Cấu trúc đề kiểm tra

+ Đề kiểm tra có 10 câu hỏi gồm các câu hỏi trắc nghiệm khách quan (Đúng sai, điền khuyết, nhiều lựa chọn, trả lời ngắn, đối chiếu nối cặp,...) và các câu hỏi tự luận, mỗi câu hỏi 01 điểm.

+ Tỉ lệ các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 30%, tự luận 70%.

+ Phần giải toán có lời văn thông qua các tình huống thực tế trong cuộc sống được tích hợp vào hai mạch kiến thức với mức độ khác nhau. Lưu ý đối

với lớp 1 chỉ ở mức độ nhìn mô hình hoặc đọc đề bài để điền vào (số hoặc phép tính).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC II

Phòng GDĐT hướng dẫn các trường tiểu học gửi đề kiểm tra theo mẫu dưới đây (môn Tiếng Việt gồm đề Đọc thành tiếng, Đọc hiểu, Chính tả, Tập làm văn), mỗi đề kiểm tra có đáp án kèm theo.

Mẫu 1:

Họ và tên học sinh:	KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020 - 2021 Môn: Ngày kiểm tra : Thời gian : (không kể thời gian phát đề)
.....	
Lớp:	
Trường:	
Huyện/thành phố:	

Điểm	Nhận xét của giáo viên

{- Nội dung kiểm tra của môn Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.
- Đối với môn Ngoại ngữ, Tin học, tùy nội dung kiểm tra mà chọn mẫu 1 hay mẫu 2}.

Mẫu 2

PHÒNG GDĐT
TRƯỜNG TIỂU HỌC

**KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2020 - 2021**

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP

ĐỀ KIỂM TRA VIẾT

Ngày kiểm tra :

Thời gian:

1/ Chính tả:

...

2/ Tập làm văn:

...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO